

HÀNG NGUY HIỂM HÃNG VNA

CODE DGR

STT	CODE	DIỄN GIẢI	GHI CHÚ
1	REX	CHẤT NÓ	Loại 1
2	RCX	CHẤT NÓ	Loại 1
3	RGX	CHẤT NÓ	Loại 1
4	RXB	CHẤT NÓ	Loại 1
5	RXC	CHẤT NÓ	Loại 1
6	RXD	CHẤT NÓ	Loại 1
7	RXE	CHẤT NÓ	Loại 1
8	RXG	CHẤT NÓ	Loại 1
9	RXS	CHẤT NÓ	Loại 1
10	RFG	CHẤT KHÍ	2.1
11	RNG/RCL	CHẤT KHÍ	2.2
12	RPG	CHẤT KHÍ	2.3
13	RFL	CHẤT LỎNG DỄ CHÁY	Loại 3
14	RFS	CHẤT RẮN DỄ CHÁY	4.1
15	RSC	Chất có thể tự bốc cháy	4.2
16	RFW	Chất nguy hiểm khi ướt	4.3
17	ROX	Chất ô xy hoá	5.1
18	ROP	Chất Pe-rô-xit hữu cơ	5.2
19	RPB	Chất độc	6.1

CODE DGR

STT	CODE	DIỄN GIẢI	GHI CHÚ
20	RIS	Chất lây nhiễm	6.2
21	RRW	Vật liệu phóng xạ	Mức I - Trắng
22	RRY	Vật liệu phóng xạ	Mức II / III- Vàng
23	FISSILE	Vật liệu phóng xạ phân hạch	Loại 7
24	RCM	Vật liệu ăn mòn	Loại 8
	RMD	Hàng nguy hiểm khác và các vật chứa các chất nguy hiểm cho môi trường	
25	RSB	Hạt nhựa trùng hợp, hợp chất nhựa	Loại 9
27	ICE	Đá khô	Loại 9
28	RLI/RLM RBI/RBM	Pin lithium	Loại 9
29		Bao bì tiêu chuẩn UN (LHQ)	
30	MAG	Vật liệu từ tính	
31	CAO	Cargo aircraft only	
32	RCL	Khí hóa lỏng lạnh	
33	RDS	Chất sinh học, Loại B	UN3373
34	TI	Transport index	Chi số vận chuyển
35	PG	Packing group	Nhỏ đóng gói
36	EAT	Trứng thực phâ	
37	HEG	Trứng ấp	

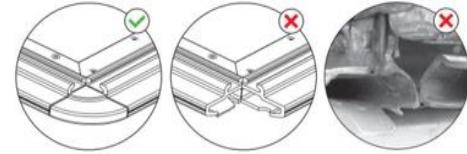
STT	DGR	LUU Ý PHỤC VỤ		GHI CHÚ								
1	PIN	<ul style="list-style-type: none"> - Tối đa 10 pin dự phòng <=100wh - Không chấp nhận các loại Pin Lithium có chức năng như là sạc dự phòng cho nhiều loại thiết bị khác nhau có chi số lớn hơn 100Wh. Chỉ chấp nhận tối đa 100Wh. 										
2	Chất ăn mòn (RCM)	Chất thăng đứng theo chiều mũi tên, tránh tràn đồ										
3	Chất từ tính (MAG)	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Loại tàu bay</th> <th>Vị trí chất xếp cho phép</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>B787</td> <td>Khoang 3</td> </tr> <tr> <td>A350</td> <td>Khoang 3, 4</td> </tr> <tr> <td>A321</td> <td>Khoang 3, 4</td> </tr> </tbody> </table>		Loại tàu bay	Vị trí chất xếp cho phép	B787	Khoang 3	A350	Khoang 3, 4	A321	Khoang 3, 4	
Loại tàu bay	Vị trí chất xếp cho phép											
B787	Khoang 3											
A350	Khoang 3, 4											
A321	Khoang 3, 4											
4	Chất phóng xạ (RRW, RRY)	VNA không chấp nhận vận chuyển hàng phóng xạ										

STT	DGR	LUU Ý PHỤC VỤ			GHI CHÚ
5	DRY ICE	Loại tàu bay	Hầm hàng	Giới hạn tối đa khối lượng đá khô được phép vận chuyển (theo hành lý ký gửi, hàng hóa) trong điều kiện	
				Có động vật sống (kg)	Không có động vật sống (kg)
		A350-941	FWD	0	0
			AFT	0	0
			BULK	100	200
		A321-200	FWD	0	0
			AFT	100	200
			BULK		
		A321-200NEO	FWD	0	0
			AFT	100	200
			BULK		
		A320-NEO	FWD	80	Chi áp dụng với vận chuyển hành lý ký gửi, không áp dụng với vận chuyển hàng hóa
			AFT	120	
			BULK	40	
		B787-9	FWD	150	250
			AFT	150	250
			BULK	45	90
		B787-10	FWD	150	250
			AFT	150	250
			BULK	45	90
		ATR72-500	FWD	0	
			AFT	0	

STT	DGR	LUU Ý PHỤC VỤ					GHI CHÚ	
6	AVI	a) Đôi với tàu bay B787					Lưu ý lót nylong + giấy thấm	
		Loại tàu bay	Nhóm vận chuyển	Tổng cộng các khoang hàng	Khối lượng động vật sống chấp nhận trên hầm hàng	Những chú ý và quy trình yêu cầu đối với tổ bay	Nhóm vận chuyển	Loại động vật sống
		B787	AVI-01	1/2 - 3/4 - 5	Không hạn chế		AVI-01	Các loại động vật sống thuộc loài động vật không có xương sống; động vật chân đốt; côn trùng; động vật giáp xác (tôm, cua), ếch, nhái; trai; sò, ốc, hến; động vật thân mềm; các loại giun; cá, cá sấu; rùa, ba ba; các loại bò sát.
			AVI-02		Không chấp nhận vận chuyển			Không yêu cầu quạt thông gió, trừ các bò sát lớn cần quạt thông gió và nhiệt độ 18oC
			AVI-03	1 và 2	4000 kg hoặc 02 PMC	Yêu cầu nhiệt độ theo từng loại	AVI-02	Các loại động vật có vú có khối lượng từ 50 kgs (khối lượng cả bi-GW)/con trở lên; lợn, cá voi, đà điểu,... Vì lý do an toàn VNA không chấp nhận vận chuyển nhóm vận chuyển này trên tàu bay chở khách.
				3 và 4	Không chất động vật sống		AVI-03	Các loại động vật có vú loại vừa và nhỏ khối lượng dưới 50 kgs (trong lượng cả bi-GW)/con (không bao gồm lợn) như dê, cừu; khỉ; chó, mèo; các loại gia cầm, chim, gà, vịt, ngan, , ngỗng khối lượng từ 100 gram trở lên.
				5	500 kgs	Giữ ở 21 độ		Yêu cầu quạt thông gió
			AVI-	1 và 2	20.000 con hoặc 1200 kg	Yêu cầu đê nhiệt độ 14 oC - 23 oC	AVI-04	Các loại chim nhỏ hơn 100 gram, gà, vịt, ngan, ngỗng con một ngày tuổi.
			04	3 và 4	Không chất động vật sống			Yêu cầu quạt thông gió mạnh
				5	3.000 con hoặc 180 kg	Yêu cầu đê nhiệt độ 14 oC - 23 oC	AVI-05	Các loại động vật có mùi hôi khó chịu như cây hương, chồn hôi, linh cẩu,... Vì lý do an toàn VNA không chấp nhận vận chuyển nhóm vận chuyển này trên tàu bay chở khách.
			AVI-05		Không chấp nhận vận chuyển			
6	AVI	b) Đôi với tàu bay A350					Lưu ý lót nylong + giấy thấm	
		Loại tàu bay	Nhóm vận chuyển	Tổng cộng các khoang hàng	Khối lượng động vật sống chấp nhận trên hầm hàng	Những chú ý và quy trình yêu cầu đối với tổ bay	Nhóm vận chuyển	Loại động vật sống
		A350	AVI-01	1/2 - 3/4 - 5	Không hạn chế		AVI-01	Các loại động vật sống thuộc loài động vật không có xương sống; động vật chân đốt; côn trùng; động vật giáp xác (tôm, cua), ếch, nhái; trai; sò, ốc, hến; động vật thân mềm; các loại giun; cá, cá sấu; rùa, ba ba; các loại bò sát.
			AVI-02		Không chấp nhận vận chuyển			Không yêu cầu quạt thông gió, trừ các bò sát lớn cần quạt thông gió và nhiệt độ 18oC
			AVI-03	1 và 2	Không chất động vật sống		AVI-02	Các loại động vật có vú có khối lượng từ 50 kgs (khối lượng cả bi-GW)/con trở lên; lợn, cá voi, đà điểu,... Vì lý do an toàn VNA không chấp nhận vận chuyển nhóm vận chuyển này trên tàu bay chở khách.
				3 và 4	Không chất động vật sống		AVI-03	Các loại động vật có vú loại vừa và nhỏ khối lượng dưới 50 kgs (trong lượng cả bi-GW)/con (không bao gồm lợn) như dê, cừu; khỉ; chó, mèo; các loại gia cầm, chim, gà, vịt, ngan, , ngỗng khối lượng từ 100 gram trở lên.
				5	500 kgs	Yêu cầu nhiệt độ theo từng loại		Yêu cầu quạt thông gió
			AVI-04	1 và 2	Không chất động vật sống		AVI-04	Các loại chim nhỏ hơn 100 gram, gà, vịt, ngan, ngỗng con một ngày tuổi.
			3 và 4	Không chất động vật sống				Yêu cầu quạt thông gió mạnh
				5	3.000 con hoặc 180 kg	Yêu cầu đê nhiệt độ 14 oC - 23 oC	AVI-05	Các loại động vật có mùi hôi khó chịu như cây hương, chồn hôi, linh cẩu,... Vì lý do an toàn VNA không chấp nhận vận chuyển nhóm vận chuyển này trên tàu bay chở khách.
			AVI-05		Không chấp nhận vận chuyển			

OPERATIONAL DAMAGE LIMITS FOR CONTAINER		
FOR REFERENCE ONLY Visual Check of Cargo Container is REQUIRED BEFORE USE		
Location	Component	Code
Base	Sheet	BB
		NO MORE THAN 0.2 INCH / 5 MM SIZED INDENTATIONS NO CRACKS OR HOLES
Extrusion	EB	NO BROKEN OR MISSING PARTS NO MORE THAN 1 INCH / 25 MM SIZED CRACKS IN ANY DIRECTION, MINIMUM 20 INCH / 500 MM APART NO MORE THAN 1 1/10 INCH / 28 MM BOWED, warped or DEFLECTED EXTRUSION
Tie-Down	TB	AT LEAST 3 UNDAMAGED ADJACENT PAIRS OF SEAT TRACK LIPS AT EACH INTERNAL ATTACHMENT POINT. IF NET DOOR: AT LEAST 4 IN BASE AT EACH NET ATTACHMENT POINT. NO LOOSE OR DAMAGED ATTACHMENT TO CONTAINER STRUCTURE NO CLOGGING WITH DIRT OR OTHER CONTAMINANTS
Fastener	FB	NO MORE THAN 3 BROKEN, LOOSE OR MISSING RIVETS PER EDGE RAIL. NO LESS THAN 12 INCH / 300 MM BETWEEN BROKEN, LOOSE OR MISSING RIVETS
Corner Conn.	CB	NO DEFORMED, BROKEN OR MISSING CORNER CONNECTIONS
Fabric Doors	Curtain	CD NO MORE THAN 2 INCH / 50 MM (SEE "1") SIZED CUTS/HOLES/SCUFFED AREAS (UP TO 2 EA., SEE "1"), LOCATED MINIMUM 4 INCHES / 100 MM APART AND FROM CURTAIN EDGES, WEBBING, STRAPS AND ANY HARDWARE
	Lock	LD NO BROKEN, LOOSE OR MISSING HARDWARE/LOCKS, VELCRO SHALL FUNCTION PROPERLY
	Webbing	WD NO DAMAGED / WORN-OUT RESTRAINT STRAPS NO DAMAGED / MISSING STITCHING
Panels	Sheet	SP NO MORE THAN 2 HOLES/CRACKS PER SHEET WITH NO MORE THAN 8 INCH / 200 MM SIZE NO LESS THAN 4 INCH / 100 MM BETWEEN HOLES/CRACKS NO TEARS / HOLES WITHIN 2 INCH / 50 MM OF ASSEMBLY FASTENERS
	Extrusion	EP NO MORE THAN 1 INCH / 25 MM SIZED CRACK IN ANY DIRECTION, NO MORE THAN 1 PER EXTRUSION NO BROKEN OR CRUSHED EXTRUSIONS NO DEFLECTION OUTSIDE ALLOWABLE CONTOUR
	Fastener	FP NO MORE THAN 1 BROKEN, LOOSE OR MISSING FASTENERS PER EXTRUSION LENGTH NO MISSING FASTENERS ON DOOR STRAP BRACKETS, GUSSETS OR TIE DOWN BRACKETS
Corner Connects	Gusset	CP NO BROKEN, CRACKED, BENT, LOOSE OR MISSING CORNER GUSSETS
Others	Webbing	WP NO DAMAGED, WORN-OUT OR MISSING PULL-STRAPS (1000 LBS CAPACITY FOR OPERATION, NOT REQUIRED FOR AIRWORTHINESS)
	Manuf. Data	TM IN PLACE AND LEGIBLE
Special Requirements	Plastic Insert Corners	NOT REQUIRED FOR AIRWORTHINESS, MISSING/HOLES MAY BE TEMPORARILY COVERED WITH SEALANT
	*1: D4000 Doors	CD IF D4000 DOOR, THE FOLLOWING ARE ALLOWED: UP TO 10 INCH / 250 MM SIZED, UP TO 4 EA.
When in doubt refer to CMM Notice for operational use ONLY Serviceability NOT affected when missing or illegible		

Các góc không bị biến dạng, vỡ hay mất góc.



Thùng hông

Kiểm tra cửa bạt

1) Tấm cửa:

Kích thước những chỗ bị cắt/thủng/trầy xước không quá 2 inch (50 mm), nhiều nhất 2 chỗ, nằm cách gờ cửa, mép đường chỉ khâu, dây dán cửa và bất kỳ phần cứng nào ít nhất 4 inch (100 mm).

Kiểm tra tấm thành

1) Trên mỗi tấm thành không có quá 2 lỗ thủng/vết gãy nứt kích thước quá 8 inch (200 mm)

Khoảng cách giữa các lỗ thủng/vết gãy nứt không nhỏ hơn 4 inch (100 mm).

Các vết rách/lỗ thủng cách các đinh chốt 2 inch (50 mm).

STT	DGR	LƯU Ý PHỤC VỤ	GHI CHÚ
8	Xe WCHR điện	<h2>Section 2 - Limitations</h2> <p>DGR 2.3 – Dangerous Goods carried by passengers and crew.</p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ DGR 2.3.2.4.3 (Note) – There is no Watt-hour limitation when the lithium battery(ies) is remained installed in the mobility aid.  <p>https://www.iata.org/codes-electric-mobility-device-power-limits-01082017</p> <p>46 © 2024 Copyright IATA</p> 	<ul style="list-style-type: none"> - Xe WCHR điện có thể chất H5 nhưng khuyến khích chất trong ULD - Khi Pin để nguyên trong xe thì không giới hạn dung lượng Pin - Trường hợp mang Pin lên khoang khách tàu bay, chỉ số Pin tối đa 300Wh - Khách được mang 1 Pin dự phòng tối đa 300Wh hoặc 2 Pin tối đa 160Wh - Tất cả các trường hợp tháo pin hay không tháo pin đều phải có NOTOC và lưu ý phục vụ như sau: <ol style="list-style-type: none"> 1) Pin phải được bảo vệ tránh ngắn mạch. Vd: được đóng kín trong hộp; 2) Pin phải được (áp dụng 1 trong 2 biện pháp sau): <ol style="list-style-type: none"> i) Được bảo vệ phù hợp theo thiết kế của thiết bị và được gắn chặt vào thiết bị hỗ trợ di chuyển và được ngắt khỏi mạch điện theo hướng dẫn của nhà sản xuất (xem tại mục 4.5.3.5); hoặc ii) Nếu thiết kế của thiết bị cho phép tháo rời pin, nếu muốn tháo rời, thực hiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất, pin được tháo rời phải có chỉ số Wh tối đa không quá 300 Wh.

STT	DGR	LUU Ý PHỤC VỤ
9	NOTOC	- Notoc được đưa cho cơ trưởng chậm nhất 30 phút trước giờ dự định cất cánh.
10	Khác	<p>Không chất HNH trên tàu bay chất xá và khoang rời tàu bay chất ULD (ngoại trừ đá khô dùng để làm lạnh) (chỉ áp dụng cho hàng hóa. Hành lý áp dụng theo bảng 4.2 DGM)</p> <p>A320-NEO: KHÔNG được phép – Không chuyên chở hàng nguy hiểm dưới dạng hàng hóa</p> <p>Bình khí oxy hoặc bình khí nhỏ sử dụng trong y tế được vận chuyển dưới dạng HLKG hoặc HLXT/ vận chuyển theo người, phải được chấp nhận của hãng HK và người chỉ huy tàu bay:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tổng khối lượng mỗi bình khí không quá 5kg. + Xilanh, van và van xả (nếu có) phải được bảo vệ khỏi những hư hỏng có thể gây thoát khí ngoài ý muốn. + Người chỉ huy tàu bay phải được thông báo số lượng và vị trí chất xếp bình khí/xilanh. <p>Lưu ý: đối với chuyến bay đến/đi từ Mỹ, Cấm vận chuyển theo HLKG, HLXT hay mang theo người.</p> <p>Các sân bay chưa đáp ứng yêu cầu khai thác hàng nguy hiểm: Ban Mê Thuột (BMV), Chu Lai (VCL), Điện Biên (DIN), Đồng Hới (VDH), Liên Khương (DLI), Pleiku (PXU), Rạch Giá (VKG), Phù Cát (UIH), Phù Bài (HUI), Phú Quốc (PQC)(*), Thọ Xuân (THD), Tuy Hòa (TBB), Vinh (VII), Vân Đồn (VDO)</p>